

Số: **71/2021/QĐST-HNGĐ**

Long Thành, ngày 31 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 212, 213, 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 529/2021/TLST-VHNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Đoàn Thị Ngọc H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số 1830, ấp Trung T, xã Thanh B, huyện Trảng B, tỉnh Đồng Nai.

- Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ 14, khu 12, xã Long Đ, huyện Long T, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Chị Đoàn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn N tự nguyện chung sống từ năm 2018, có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 71 ngày 21/9/2020 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa chị H và anh N xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, do hôn nhân không hạnh phúc nên anh, chị yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Ngày 23 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã tiến hành hòa giải đoàn tụ đối với chị Đoàn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn N nhưng không thành; các đương sự thống nhất thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề liên quan. Thỏa thuận của các đương sự ghi nhận tại biên bản hòa giải đoàn tụ không

thành ngày 23 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn N thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thiên P, sinh ngày 07/9/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh N cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng mỗi tháng 5.000.000 đồng.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: Chị Đoàn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn N mỗi người chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về hôn nhân và gia đình là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thiên P, sinh ngày 07/9/2020 cho chị Đoàn Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, anh Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng với mức cấp dưỡng mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Nguyễn Văn N được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về lệ phí: Chị Đoàn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn N mỗi người phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị H và anh N đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí tòa án số 0004776 ngày 27/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Chị H và anh N đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành;
- UBND xã Thanh Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Ngọc

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.
- (3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.
- (5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.
- (6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;
- (7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.
- (8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].